

Số: 18 /2024/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 08 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 2256/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục công lập: trường Mầm non, trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh Hà Nam và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;

b) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí**

### 1. Nguyên tắc và cơ chế quản lý thu, chi

a) Các cơ sở giáo dục thực hiện thu đúng, thu vừa đủ chi, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Trước khi thu phải có dự toán chi tiết thu, chi từng khoản, không được dùng khoản thu này để điều chuyển hoặc chi cho nội dung, mục đích khác; chỉ được thu sau khi đã thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ hoặc người giám hộ trên tinh thần tự nguyện và phải báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp trên cơ sở đồng thuận với cha mẹ, hội đồng trường, tập thể lãnh đạo và giáo viên nhà trường. Mức thu không vượt quá mức thu tối đa quy định tại Nghị quyết này.

b) Các khoản thu, mức thu phải đảm bảo tính công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, sử dụng đúng mục đích theo quy định hiện hành nhằm hỗ trợ phục vụ hoạt động ở các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục. Các khoản thu tính theo thời gian học thực tế của trẻ em, học sinh, học viên tại cơ sở giáo dục.

c) Mức thu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập của người dân trên địa bàn. Các cơ sở giáo dục xem xét miễn, giảm các khoản thu đối với học sinh thuộc đối tượng chính sách, gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo.

d) Các khoản thu, chi phải được hạch toán vào hệ thống sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán thu, chi hàng năm theo quy định tài chính hiện hành.

### 2. Các khoản thu, mức thu dịch vụ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Đối tượng áp dụng
1	Dịch vụ vệ sinh	Học sinh/tháng	22.000	Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông và học viên Giáo dục thường xuyên

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Đối tượng áp dụng
2	Dịch vụ trông giữ phương tiện cho học sinh			
	- Xe đạp	Học sinh/tháng	10.000	Học sinh phổ thông và học viên Giáo dục thường xuyên
	- Xe điện, xe máy	Học sinh/tháng	15.000	
3	Dịch vụ bữa ăn bán trú	Học sinh/ngày	25.000	Trẻ em mầm non; học sinh tiểu học, trung học cơ sở
4	Dịch vụ quản lý, chăm sóc trẻ, học sinh ngoài giờ học			
	- Ngày thứ 7 và ngày hè	Học sinh/ngày	40.000	Trẻ em mầm non; học sinh tiểu học
	- Ngoài giờ học	Học sinh/giờ	10.000	
	- Buổi trưa	Học sinh/ngày	5.000	

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định mức thu các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam và Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XIX, Kỳ họp thứ hai mươi (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; GD và ĐT;
- Vụ Pháp chế các Bộ: TC; GD và ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD và ĐT, Tài chính, Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Hoàng**